Nội dung bài viết

1. Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 56: Chính tả

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 56: Chính tả

Câu 1:

Điền vào chỗ trống *r, d* hoặc *gi*. Đặt *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* trên những chữ in đậm :

Thăm nhà Bác

Anh dắt em vào cõi Bác xưa

Đường xoài hoa trắng nắng đu đưa

Có hồ nước lặng sôi tăm cá

Có **bươi** cam thơm, mát bóng ...ừa.

Có ...ào râm bụt **đo** hoa quê

Như cổng nhà xưa Bác trở về

Có bốn mùa ...au tươi tốt lá

Như **nhưng** ngày cháo bẹ mang tre...

Nhà gác đơn sơ, một góc vườn

Gô thường mộc mạc, **chăng** mùi sơn

...ường mây chiếu cói, đơn chăn gối

Tủ nhỏ, vừa treo mấy áo sờn.

Lời giải chi tiết:

Thăm nhà Bác

Anh dắt em vào cõi Bác xưa

Đường xoài hoa trắng nắng đu đưa

Có hồ nước lặng sôi tăm cá

Có **bưởi** cam thơm, mát bóng **d**ừa.

Có **r**ào râm bụt **đỏ** hoa quê

Như cổng nhà xưa Bác trở về

Có bốn mùa **r**au tươi tốt lá

Như **những** ngày cháo bẹ măng tre.

Nhà gác đơn sơ, một góc vườn

Gỗ thường mộc mạc, **chẳng** mùi sơn

Giường mây chiếu cói, đơn chăn gối

Tủ nhỏ, vừa treo mấy áo sờn.

Câu 2:

Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống :

a) ***rời*** hoặc ***dời***

Tàu ... ga. Sơn Tinh ... từng dãy núi.

giữ hoặc ***dữ***

Hổ là loài thú ... . Bộ đội canh ... biển trời.

b) ***lã*** hoặc ***lả***

Con cò bay ... bay la. Không uống nước ... .

võ hoặc ***vỏ***

Anh trai em tập ... . cây sung xù xì.

Lời giải chi tiết:

a) Tàu **rời** ga. Sơn Tinh **dời** từng dãy núi.

Hổ là loài thú **dữ**. Bộ đội canh **giữ** biển trời.

b) Con cò bay **lả** bay la. Không uống nước **lã**.

Anh trai em tập **võ**. **Vỏ** cây sung xù xì.